

ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN NỀN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA NƯỚC NHÀ- MỘT ĐÒI HỎI BỨC XÚC HIỆN NAY

GS.TSKH.NGND Lê Du Phong

Email: leduphong43@yahoo.com.vn

Trong hơn 25 thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, nền Giáo dục nước ta đã phát triển khá nhanh và đã có những đóng góp đáng kể cho việc nâng cao dân trí cho người dân, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Nếu như năm học 1987-1988 cả nước có 439.700 giáo viên phổ thông các cấp, với 12.623.000 học sinh, có 100 trường đại học và cao đẳng, với 19.800 giảng viên và 116.700 sinh viên, thì năm học 2010-2011 có 830.923 giáo viên phổ thông các cấp với 14.792.830 học sinh và 414 trường đại học và cao đẳng, với 74.600 giảng viên và 2.162.100 sinh viên. Cho đến nay, cả nước đã có trên 2 triệu lao động có trình độ đại học và sau đại học trở lên.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước và so với nền Giáo dục của nhiều nước trong khu vực và thế giới, nền giáo dục của nước ta còn có một khoảng cách khá xa: Cơ sở vật chất- kỹ thuật của giáo dục lạc hậu, trình độ của đội ngũ giáo viên các cấp không đồng đều, chính sách đối với người dạy và người học đều còn nhiều bất cập, và hậu quả là chất lượng giáo dục-đào tạo thấp, không đáp ứng được yêu cầu. Chính vì thế, việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục nước nhà đang là đòi hỏi hết sức bức xúc hiện nay. Bài viết này tập trung bàn về vấn đề nóng bỏng đó.

Từ khoá: Giáo dục và đào tạo, đổi mới căn bản và toàn diện.

1. Thực trạng nền giáo dục và đào tạo của nước ta hiện nay

Nền Giáo dục cách mạng Việt Nam ra đời năm 1945, sau thắng lợi của cuộc cách mạng tháng 8 vĩ đại. Lúc ban đầu, nền giáo dục cách mạng chủ yếu tập trung vào việc xoá nạn mù chữ cho người dân, phát triển giáo dục phổ thông và đào tạo một số loại cán bộ ở trình độ sơ cấp và trung cấp. Sau ngày Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, để có đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp có đủ trình độ phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, nền giáo dục cách mạng vươn lên đào tạo cả trình độ Đại học. Cho đến nay, sau 67 năm xây dựng và phát triển, nền giáo dục cách mạng Việt Nam đã hết sức lớn mạnh: Chúng ta đã có một nền Giáo dục và đào tạo với đầy đủ các loại hình đào tạo,

các cấp đào tạo và các trình độ đào tạo với 830.923 giáo viên và 14.792.800 học sinh Phổ thông các cấp; 18.100 giáo viên và 686.200 học sinh Trung cấp; 74.600 giảng viên (trong đó có 38.298 người có trình độ trên đại học) và 2.162.100 sinh viên Đại học và cao đẳng (Năm học 2010-2011-Niên giám Thống kê năm 2010). Hiện tại, Giáo dục và Đào tạo nước ta đang tích cực hội nhập và phấn đấu để sớm đạt trình độ chung của khu vực và thế giới. Theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam năm 2005, hệ thống giáo dục quốc dân của nước ta gồm có: Giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên. Các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật gồm:

Thứ nhất, giáo dục Mầm non

Bộ phận này gồm có hệ thống nhà trẻ và trường

mẫu giáo. Giáo dục mầm non chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi.

Thứ hai, giáo dục phổ thông, bộ phận này gồm:

+ Giáo dục Tiểu học. Bậc học này được thực hiện trong 5 năm, từ lớp 1 đến lớp 5. Tuổi của học sinh lớp 1 được quy định là 6 tuổi.

+ Giáo dục Trung học cơ sở. Bậc học này được thực hiện trong 4 năm, từ lớp 6 đến lớp 9. Học sinh được tuyển vào Trung học cơ sở phải tốt nghiệp Tiểu học và có độ tuổi là 11 tuổi.

+ Giáo dục Trung học phổ thông. Bậc học này được thực hiện trong 3 năm, từ lớp 10 đến lớp 12. Học sinh được tuyển vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở và có tuổi là 15 tuổi.

Thứ ba, giáo dục nghề nghiệp. Bộ phận này bao gồm:

+ Trung cấp chuyên nghiệp. Bậc học này được thực hiện từ 3 đến 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở, và từ 1 đến 2 năm đối với những người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông.

+ Dạy nghề. Bậc học này được thực hiện dưới 1 năm đối với việc đào tạo trình độ sơ cấp, từ 1 đến 3 năm đối với đào tạo nghề trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng.

Thứ tư, giáo dục Đại học. Bậc học này gồm:

+ Đào tạo trình độ Cao đẳng. Trình độ này được thực hiện từ 2 đến 3 năm tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, hoặc bằng tốt nghiệp Trung cấp; từ 1,5 năm đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Trung cấp cùng ngành.

+ Đào tạo trình độ Đại học. Trình độ này được thực hiện từ 4 đến 6 năm tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, hoặc bằng tốt nghiệp Trung cấp; từ 2,5 năm đến 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Trung cấp cùng chuyên ngành; từ 1,5 năm đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Cao đẳng cùng chuyên ngành.

+ Đào tạo trình độ Thạc sĩ. Trình độ này được thực hiện từ 1 đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Đại học.

+ Đào tạo trình độ Tiến sĩ. Trình độ này được

thực hiện 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Đại học; từ 2 năm đến 3 năm đối với người có bằng Thạc sĩ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo Tiến sĩ có thể được kéo dài theo qui định của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thứ năm, giáo dục thường xuyên:

Giáo dục thường xuyên giúp mọi người vừa làm vừa học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để làm việc, tự tạo việc làm và thích nghi ngày càng tốt hơn với đời sống xã hội. Giáo dục thường xuyên được tiến hành theo các chương trình, cụ thể:

+ Chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

+ Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

+ Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Chương trình giáo dục để lấy các văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các hình thức: Vừa học vừa làm; Học từ xa; Tự học có hướng dẫn.

Nền giáo dục cách mạng Việt Nam tuy còn khá non trẻ, song đã có những đóng góp vô cùng to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc:

- Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mặc dù chiến tranh diễn ra hết sức ác liệt trong phạm vi cả nước và nền tài chính của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà dường như không có gì, song Giáo dục Việt Nam đã đạt được một thành tựu chưa từng có trong lịch sử nước nhà là làm cho toàn dân thoát khỏi nạn mù chữ, đồng thời cũng trang bị cho một bộ phận đáng kể lực lượng thanh niên có những kiến thức cơ bản cần thiết để phục vụ sự nghiệp kháng chiến và xây dựng đất nước khi chiến tranh kết thúc.

- Sau hiệp định Giơnevơ năm 1954, đất nước bị tạm thời chia cắt làm hai miền: Miền Nam tạm thời nằm dưới ách thống trị của bè lũ Mỹ-Ngụy; Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và tiến lên theo con đường Xã hội chủ nghĩa. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975, tuy cùng một lúc phải thực hiện hai nhiệm vụ chính trị chiến lược là: Xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và đấu tranh giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước, trong đó có 9 năm,

từ tháng 8 năm 1964 đến cuối tháng 12 năm 1972 Miền Bắc còn trực tiếp đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại vô cùng tàn khốc do đế quốc Mỹ gây ra, bởi quyết tâm của Mỹ lúc đó là: “Đưa Miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá”, song đây cũng là giai đoạn nền giáo dục cách mạng Việt Nam đạt được những thành tựu rực rỡ nhất.

Nền giáo dục cách mạng Việt Nam thời kỳ đó với phương châm giáo dục: Toàn diện (cả đức- trí- thể- mỹ), học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, đã đào tạo ra cho đất nước một lớp thanh niên có thể lực cường tráng, có kiến thức chuyên môn- kỹ thuật vững vàng, đặc biệt là có lý tưởng cuộc sống hết sức trong sáng. Thế hệ thanh niên này đã xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, giành lại độc lập cho đất nước, thống nhất cho non sông. Khi hoà bình lập lại, họ là những người lính tiên phong trong mặt trận kinh tế- văn hoá- giáo dục- khoa học công nghệ để làm cho đất nước phát triển nhanh chóng, sớm theo kịp các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

- Từ sau ngày đất nước hoà bình, thống nhất, đặc biệt là từ sau khi thực hiện đường lối đổi mới (12/1986) đến nay, nền giáo dục Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ hơn, toàn diện hơn, hiện đại hơn và hội nhập hơn. Điều này thể hiện rõ ở chỗ: Các loại hình đào tạo đa dạng (Chính quy, tại chức, từ xa, bồi dưỡng...); các cấp đào tạo đầy đủ (Mầm non, Phổ thông, Đại học, Sau đại học); Trình độ đào tạo ngày càng cao (Phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ); chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo ngày càng đổi mới (các kiến thức mới, hiện đại được cập nhật ngày càng nhiều; các công cụ, phương tiện, máy móc thiết bị hiện đại được đưa vào phục vụ giảng dạy, học tập ở các trường ngày càng tăng); hợp tác quốc tế trong giáo dục đào tạo ngày càng được mở rộng (cho phép các

nước vào mở trường tại Việt Nam, hoặc các trường của Việt Nam liên kết với các trường của nước ngoài để cùng đào tạo, hay sử dụng các giáo trình của các nước tiên tiến có bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam để giảng dạy...). Mặt khác Nhà nước cũng mạnh dạn thực hiện việc xã hội hoá đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Chính vì thế, Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam trong giai đoạn này đã có sự phát triển rất nhanh.

Bảng 1 cho thấy, trong 25 năm qua nền Giáo dục và Đào tạo của nước ta đã có sự biến đổi rất lớn. Nếu lấy năm học 2010 so với năm học 1986-1987 chúng ta thấy như sau:

+ Số học sinh Phổ thông các cấp chỉ tăng 21,42%, riêng giai đoạn từ năm học 2000-2001 trở đi bắt đầu giảm dần (điều này thể hiện dân số nước ta đã bắt đầu chuyển sang giai đoạn già hoá).

+ Số lượng học sinh Trung cấp tăng hơn 530.200 em, tăng 339,87%.

+ Số sinh viên Cao đẳng và Đại học tăng thêm 2.035.300 em tăng 1.605,12%.

+ Số giáo viên Phổ thông tăng thêm 404.700 người, tăng 94,95%.

+ Số giáo viên Trung cấp tăng thêm 6.800 người, tăng 69,17%.

+ Số giáo viên Cao đẳng và Đại học tăng thêm 55.400 người, tăng 288,54%.

Nhờ đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ của nước ta đã tăng lên tương đối nhanh, năm 2000 là 10,3% tổng số lao động trong độ tuổi, năm 2005 là 12,5% và năm 2010 tăng lên 14,6%. Đặc biệt, số sinh viên Cao đẳng và Đại học tính trên 1 vạn dân tăng rất nhanh, năm 1987 mới đạt 20 người, năm 1995 đạt 40 người, năm 2000 đạt 90 người, thì đến năm 2005 đã tăng lên 160 người và năm 2010 lên tới 250 người.

Bảng 1: Thực trạng Giáo dục đào tạo Việt Nam giai đoạn 1986-2011

Đơn vị tính: Học sinh, Giáo viên

Chỉ tiêu	1986-1987	1995-1996	2000-2001	2005-2006	2010-2011
HS Phổ thông	12.182.900	15.561.000	17.866.600	16.650.600	14.792.800
HS Trung cấp	156.000	165.600	195.900	500.300	686.200
SV CĐ và Đại học	126.800	297.900	734.900	1.387.100	2.162.100
Giáo viên Phổ thông	426.200	492.700	646.700	780.500	830.900
Giáo viên Trung cấp	11.300	9.400	9.600	14.200	18.100
GV Cao đẳng-Đại học	19.200	22.800	27.100	48.600	74.600

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 1987, 2000 và 2010

Có thể nói, Giáo dục và Đào tạo đã tạo ra cho đất nước một nguồn nhân lực có chất lượng ngày càng cao. Điều này đã góp phần vô cùng quan trọng làm cho kinh tế - xã hội của nước ta phát triển nhanh và đạt được những thành tựu hết sức ấn tượng trong hơn 25 năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua (trong thời đại ngày nay, nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố hàng đầu quyết định sự phát triển của kinh tế - xã hội của từng quốc gia). Bảng 2 cho chúng ta thấy rõ phần nào kết luận đó.

Bảng 2 cho thấy, sau 23 năm giá trị tổng sản phẩm của cả nước tăng 4,87 lần. Trong đó, khu vực sản xuất nông-lâm-thủy sản tăng 2,42 lần; khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 7,28 lần và khu vực dịch vụ tăng 5,23 lần. Nhờ đó, tiềm lực kinh tế của Việt Nam đã có sự thay đổi hết sức căn bản. GDP của cả nước từ chỗ chỉ khoảng 14 tỷ USD vào năm 1990 đã tăng lên 106 tỷ USD vào năm 2010.; GDP bình quân đầu người từ 200 USD vào năm 1991 đã tăng lên 1200 USD vào năm 2010. Việt Nam từ chỗ là một nước thiếu lương thực, thực phẩm, thiếu các loại hàng hoá thiết yếu phục vụ đời sống của người dân, đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới liên tục trong nhiều năm và cũng là nước xuất khẩu nhiều loại hàng hoá vào loại lớn của thế giới như hạt tiêu, hạt điều, cao su, cà phê, các sản phẩm thủy-hải sản, hàng may mặc, đồ da, đồ gỗ, dầu thô... Nếu năm 1990 giá trị kim ngạch xuất khẩu của cả nước ta mới đạt 2,4 tỷ USD, thì đến năm 2010 con số đó đã là 72,2 tỷ USD.

Ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn toàn có quyền tự hào về những đóng góp của mình đối với sự phát triển này của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng tự hào đó, trong những năm gần đây nền Giáo dục và Đào tạo của nước ta cũng đã bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém, trong đó có những hạn chế, yếu kém khá nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Đáng chú ý là những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, hệ thống giáo dục quốc dân vẫn chưa được xác định và xây dựng một cách có căn cứ khoa học. Ông cha ta từ xưa đã có câu: “dạy con từ thừa còn thơ”, Bác Hồ cũng đã từng dạy: “trẻ em là tương lai của đất nước”. Song trong hệ thống giáo dục quốc dân của chúng ta, giáo dục mầm non lại chưa được quan tâm thoả đáng. Hệ thống các trường

Bảng 2: Tổng sản phẩm trong nước giai đoạn 1987- 2010

(Giá so sánh năm 1994, đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	Tổng số	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
1987	113.154	37.499	31.762	43.893
1990	131.968	42.003	33.221	56.744
1991	139.634	42.917	35.783	60.934
1992	151.782	45.869	40.359	65.554
1993	164.043	47.373	45.454	71.216
1994	178.534	48.968	51.540	78.026
1995	195.567	51.319	58.550	85.698
1996	213.833	53.577	67.016	93.240
1997	231.264	55.895	75.474	99.895
1998	244.596	57.866	81.764	104.966
1999	256.272	60.895	88.047	107.330
2000	273.666	63.717	96.913	113.036
2001	292.535	65.618	106.986	119.931
2002	313.247	68.352	117.125	127.770
2003	336.242	70.827	129.399	136.016
2004	362.435	73.917	142.621	145.897
2005	393.031	76.888	157.867	158.276
2006	425.373	79.723	174.259	171.391
2007	461.344	82.717	192.065	186.562
2008	490.458	86.587	203.554	200.317
2009	516.566	88.166	214.799	213.601
2010	551.609	90.613	231.336	229.660

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2000, 2010.

mầm non công lập rất thiếu, trẻ em đa phần phải gửi vào các cơ sở dân lập. Mà các cơ sở dân lập thì cơ sở vật chất- kỹ thuật hạn chế, trình độ của đội ngũ nuôi dạy thấp, việc nuôi dạy các cháu vì thế chất lượng rất hạn chế. Những hành động bạo hành đối với trẻ ở các cơ sở nuôi dạy ngoài công lập mà các cơ quan thông tin đại chúng phản ánh trong thời gian qua đã cho chúng ta thấy rõ phần nào điều đó.

Dạy nghề cho thanh niên là một mảng rất quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, nhưng lại không thuộc sự quản lý và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mà thuộc Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, song Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội trên thực tiễn cũng chỉ quản một bộ phận nhỏ mà thôi. Tính đến tháng 8/2008 cả nước ta có 284 trường Trung cấp nghề và Cao đẳng nghề (80 Cao đẳng và 204 Trung cấp). Các Bộ, doanh nghiệp Nhà nước có 178 trường Cao đẳng và Trung cấp nghề công lập, chiếm 62,7%. Các tỉnh, thành phố có 53 trường Cao đẳng và Trung cấp nghề công lập, chiếm 18,6%; có 53 trường tư thục, chiếm 18,6%. Riêng Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động- Thương

binh và Xã hội chỉ quản lý trực tiếp có 3 trường Cao đẳng và 1 trường trung cấp.

Giáo dục Đại học và trên Đại học đảm nhận việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, song hiện tại vẫn còn quá nhiều bất cập. Trừ hệ thống trường Cao đẳng ra, hiện tại, chúng ta có 6 mô hình tổ chức đào tạo Đại học và sau Đại học là: Đại học Quốc gia (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh); Đại học vùng (Thái Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ); Đại học (Đại học Vinh, Quy Nhơn, Tây Bắc, Tây Nguyên...); Trường Đại học (Bách khoa Hà Nội, Nông nghiệp Hà Nội, Kinh tế quốc dân, Kinh tế TP Hồ Chí Minh...); Học viện (Tài chính, Ngân hàng, Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh...) Viện Đại học (Viện Đại học mở Hà Nội, Viện Đại học Mở bán công TP Hồ Chí Minh...). Các mô hình tổ chức này rất không rõ ràng. Đại học mà lại có dấu quốc huy như một cơ quan hành chính Nhà nước, hay học viện, nhưng cái thì như một trường Đại học thông thường, cái thì tương đương với một bộ, thậm chí còn to hơn cả một bộ.

Viện quản lý các cơ sở giáo dục Đại học còn quá nhiều điều làm cho người dân phải băn khoăn. Chúng ta biết, từ năm 1954 đến năm 1975, cả miền Bắc chỉ có khoảng trên 20 trường Đại học. Từ năm 1976 đến năm 1995, khi đất nước hoà bình, thống nhất, chúng ta có thêm khoảng 30 trường Đại học nữa, tổng cộng cả nước có khoảng 50 trường Đại học các loại. Số lượng các trường Cao đẳng cũng rất hạn chế, chủ yếu thuộc ngành sư phạm.

Thế nhưng, từ năm 1998, đặc biệt là từ năm 2000 đến nay, việc thành lập các trường Đại học và Cao đẳng ở nước ta diễn ra hết sức ồ ạt. Ồ ạt đến mức có những thời điểm các cơ quan thông tin đại chúng đã nói: “một tuần ra đời một trường Đại học”. Có thể nói việc thành lập các trường Đại học và Cao đẳng thời gian này thiếu hẳn sự tính toán, sự quy hoạch một cách nghiêm túc và có cơ sở khoa học. Do đó, giáo dục Đại học của nước ta đã có sự diễn biến không bình thường trong phát triển.

- Năm 2000 cả nước ta có 178 trường Đại học và Cao đẳng, với số giáo viên là 32.357 người, bình quân mỗi trường có 182 giáo viên. Trong đó giáo viên có trình độ trên Đại học là 12.656 người, bình quân mỗi trường có 71 người; số lượng sinh viên là 899.500 người, bình quân một trường có 5.053 sinh viên.

Tại thời điểm này cả nước có 30 trường ngoài công lập, với số lượng giáo viên là 4.500 người, bình quân mỗi trường có 150 giáo viên, trong đó số giáo viên có trình độ trên Đại học là 1816 người, bình quân một trường có 60 người. Số sinh viên là 103.900 người, bình quân một trường có 3.463 sinh viên.

- Đến năm 2005 cả nước ta đã có 277 trường Đại học và Cao đẳng, nhiều hơn năm 2000 là 99 trường, bình quân mỗi năm có xấp xỉ 20 trường mới được thành lập. Số giáo viên của các trường vào thời điểm này là 48.600 người, bình quân một trường có 175 giáo viên (giảm hơn năm 2000 là 7 giáo viên/trường). Trong đó số giáo viên có trình độ trên đại học là 23.861 người, bình quân một trường có 86 người (tăng 15 người/trường so với năm 2000). Tổng số sinh viên là 1.387.100 người, bình quân một trường có 5.007 sinh viên.

Tại thời điểm này có 34 trường ngoài công lập, tăng hơn năm 2000 là 4 trường. Số giáo viên của các trường ngoài công lập là 6.600 người, bình quân một trường có 194 giáo viên, trong đó số giáo viên có trình độ trên Đại học là 3.903 người, bình quân một trường có tới 141 người (rất cao). Số sinh viên ngoài công lập là 160.400 người, bình quân một trường có 4.717 sinh viên.

- Đến năm 2010, cả nước có 414 trường Đại học và Cao đẳng, tăng 137 trường so với năm 2005, và bình quân một năm có 27 trường mới được thành lập. Số giáo viên của các trường vào thời điểm này là 74.600 người, bình quân một trường có 180 giáo viên. Trong đó số giáo viên có trình độ trên Đại học là 38.298 người, bình quân một trường có 92 người. Tổng số sinh viên là 2.152.100 người, bình quân một trường có 5.198 sinh viên.

Tại thời điểm này có 80 trường ngoài công lập, tăng 46 trường so với năm 2005. Số giáo viên của các trường ngoài công lập là 11.300 người, bình quân một trường có 141 giáo viên, trong đó số giáo viên có trình độ trên đại học là 5.342 người, bình quân một trường có 66 người (giảm 26 người so với năm 2005). Số sinh viên ngoài công lập là 333.900 người, bình quân một trường có 4.173 sinh viên.

Như vậy là sau 10 năm, số trường Đại học và Cao đẳng của nước ta tăng 2,3 lần; trong đó các trường ngoài công lập tăng 2,6 lần; số giáo viên tăng 2,3 lần, trong đó các trường ngoài công lập tăng 2,5 lần;

số sinh viên tăng 2,4 lần, trong đó các trường ngoài công lập tăng 3,2 lần. Có thể nói một tốc độ tăng trưởng rất cao, hiếm thấy trên thế giới. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng đội ngũ giảng viên của các trường ngoài công lập chủ yếu là những người đã về hưu và giáo viên của các trường công lập kiêm giảng.

Điều đáng quan ngại là hiện nay hệ thống giáo dục của Việt Nam có quá nhiều đầu mối quản lý. Hầu hết các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, cũng như đại bộ phận các trường Cao đẳng Sư phạm do các địa phương quản lý. Trong số 414 trường Đại học và Cao đẳng thì có 198 trường công lập do các Bộ, Ngành ở Trung ương quản lý, chiếm 48%, 137 trường công lập do các Tỉnh, Thành phố trực tiếp quản lý, chiếm 33,3%. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ trực tiếp quản lý khoảng 80 trường, chiếm khoảng xấp xỉ 19%. Phần đào tạo nghề do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đảm nhận, song trong thực tế Tổng cục Dạy nghề của Bộ này cũng chỉ trực tiếp quản lý có 3 trường Cao đẳng nghề và 1 trường Trung cấp nghề trong số gần 200 trường của hệ thống này. Với cơ chế quản lý như vậy, chúng ta không có gì ngạc nhiên khi có quá nhiều điều bất cập xảy ra trong giáo dục đã được nói nhiều song không sao có thể khắc phục được.

Thứ hai, chương trình, nội dung đào tạo còn quá nặng nề, chưa gần gũi với thực tiễn cuộc sống, chưa thật hội nhập với quốc tế, phương pháp đào tạo còn lạc hậu.

Đây là điều được dư luận xã hội đề cập đến từ nhiều năm nay, song dường như xã hội càng quan tâm thì vấn đề lại càng trở nên trầm trọng hơn, bất cập hơn, cụ thể:

- Ở bậc học phổ thông, chương trình, nội dung giáo dục quá ô mồm, cái gì cũng muốn nhồi nhét cho con trẻ: Nào khoa học tự nhiên, khoa học xã hội; nào tin học và ngoại ngữ; nào giáo dục công dân, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và bảo vệ môi trường, rồi thì học tập và làm theo tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh... có thể nói là không thiếu một thứ gì. Chính vì thế trẻ em gần như suốt ngày phải học, không còn thời gian để vui chơi, giải trí nữa. Ai cũng phải lắc đầu khi nhìn thấy những học sinh lớp một cõng trên vai chiếc cặp to, nặng gần bằng trọng lượng của mình mỗi khi đi học.

- Ở bậc Đại học, chương trình giảng dạy cũng

không khác gì, người ta trang bị cho sinh viên những kiến thức Nhà trường có, những vấn đề Nhà nước quy định, chứ không phải những kiến thức xã hội đang cần. Chính vì thế, phần lớn sinh viên sau khi ra trường, đi làm việc, các cơ sở tiếp nhận đều phải thực hiện việc đào tạo lại, điều này gây lãng phí rất lớn cho xã hội.

Cũng phải nói thêm rằng, một số kiến thức chúng ta trang bị cho học sinh và sinh viên khá xa lạ với thế giới bên ngoài. Do đó, các em không khỏi ngỡ ngàng khi có điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới.

Còn về phương pháp giảng dạy, cho đến nay dường như ở tất cả các bậc học, cấp học của ta về cơ bản vẫn là thầy nói, trò ghi, học chay là chính.

Thứ ba, chất lượng đào tạo thấp kém, đạo đức của cả thầy và trò đều bị xuống cấp nghiêm trọng. Đây là điều cả xã hội chúng ta đều thấy và thừa nhận. Sự thấp kém này diễn ra ở mọi cấp học, từ Mẫu giáo-Mầm non, Phổ thông cho đến Đại học và sau Đại học. Sự thấp kém về chất lượng Giáo dục- Đào tạo trong mấy năm gần đây các phương tiện thông tin đại chúng đã đề cập quá nhiều, tôi xin không nhắc lại.

Còn xuống cấp về mặt đạo đức, lối sống của cả thầy lẫn trò, càng ngày càng trở nên báo động. Dường như các tệ nạn xã hội mà các phương tiện thông tin đại chúng nêu lên hàng tuần, không nhiều thì ít đều có dính dáng đến lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đã nêu ở trên của ngành Giáo dục, trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ xin nêu vài nguyên nhân mà tác giả cho là quan trọng nhất.

- Thứ nhất, tôi cho rằng chúng ta thiếu một chiến lược, một quy hoạch Giáo dục- Đào tạo thực sự có cơ sở khoa học, vì thế mục tiêu cần đạt của Giáo dục Đào tạo rất không rõ ràng, chung chung, khó thực hiện. Mục tiêu đào tạo con người Việt Nam có lý tưởng cuộc sống cao đẹp, lý tưởng xã hội chủ nghĩa là điển hình. Chủ nghĩa xã hội đúng là rất cao đẹp, song còn xa vời. Hiện tại chúng ta cũng mới dám đề cập đến định hướng xã hội chủ nghĩa mà thôi- ngay định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào vẫn còn tranh luận chưa ngã ngũ, thế mà dạy làm cho thanh niên có lý tưởng xã hội chủ nghĩa là điều không dễ.

Trong khi đó cuộc sống đang cần thế hệ trẻ phải kính trọng ông bà, cha mẹ, tôn trọng thầy cô, tôn trọng luật pháp... thì chúng ta lại coi nhẹ.

- Thứ hai, chúng ta chưa nhận thức đúng vai trò vị trí của Giáo dục và Đào tạo đối với sự phát triển của đất nước trong thời đại mới. Tuy Nghị quyết thì nói Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu, song trong thực tế cuộc sống thì hoàn toàn ngược lại- Giáo dục và Đào tạo là lĩnh vực yếu thế nhất. Điều này thể hiện rõ trong chính sách đầu tư cho Giáo dục, đặc biệt là cho việc xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật của ngành, và trong chính sách sử dụng- đãi ngộ đối với đội ngũ thầy cô giáo. Việc trong những năm gần đây, học sinh giỏi không thi vào các trường Cao đẳng và Đại học Sư phạm đã phần nào cho chúng ta thấy rõ điều đó.

- Thứ ba, đương nhiên cũng có lỗi rất lớn của ngành Giáo dục, nhất là trong việc sử dụng các nguồn đầu tư của nhà nước, trong việc phát triển đội ngũ nhà giáo và trong việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy.

2. Một số kiến nghị nhằm đổi mới căn bản và toàn diện nền Giáo dục-Đào tạo nước nhà

Sự phát triển của đất nước trong những năm tới đòi hỏi chúng ta phải có một nền Giáo dục-Đào tạo thực sự mạnh, có đủ khả năng đào tạo cho đất nước một nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Để làm được điều này, chúng ta không còn con đường nào khác là phải thực hiện đổi mới một cách căn bản và toàn diện nền Giáo dục và Đào tạo nước nhà. Đổi mới căn bản và toàn diện cần được hiểu là đổi mới từ triết lý giáo dục cho đến chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục; đổi mới ở tất cả các bậc học và cấp học, đổi mới từ nhận thức, cho đến chính sách và tổ chức thực hiện; đổi mới từ các cơ quan quản lý đến các nhà trường; và đổi mới ở người thầy lẫn người học.

Có rất nhiều việc phải làm để đổi mới căn bản và toàn diện nền Giáo dục-Đào tạo nước nhà, trong phạm vi bài này, tôi xin đề nghị một số điểm sau đây:

- Thứ nhất; tôi đề nghị cần khẩn trương tổ chức lại hệ thống Giáo dục- Đào tạo và bộ máy quản lý Giáo dục và Đào tạo. Hướng chung là, cần coi trọng

giáo dục Mầm non, đưa đào tạo nghề trở lại bộ Giáo dục và Đào tạo; chấn chỉnh lại hệ thống giáo dục Đại học (xác định rõ các khái niệm: Trường Đại học, Đại học, Đại học vùng, Đại học quốc gia, Học viện và Viện Đại học). Việc tổ chức lại hệ thống giáo dục quốc dân phải dựa trên những chuẩn mực tiên tiến của thế giới và xu hướng phát triển của thời đại.

Bộ máy quản lý Giáo dục-Đào tạo cũng phải được tổ chức lại theo hướng tập trung thống nhất vào một đầu mối (về quản lý nhà nước) và phân cấp cao cho các cơ sở đào tạo.

- Thứ hai, cần điều chỉnh lại mục tiêu Giáo dục-Đào tạo cho sát với đòi hỏi phát triển của đất nước, với hội nhập quốc tế và với xu hướng phát triển của thời đại. Mục tiêu đó theo tôi là: Giáo dục và Đào tạo cho đất nước một lớp người có sức khỏe, có kiến thức (kể cả ngoại ngữ và cách sống), có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội là đủ, những gì quá cao xa, khó hiểu, khó thực hiện không nên đặt ra.

- Thứ ba, việc đổi mới căn bản và toàn diện nền Giáo dục và Đào tạo nước nhà đương nhiên là phải có sự tham gia của toàn xã hội, song lực lượng chính vẫn là những người làm công tác giáo dục (cả các thầy, cô giáo, những người quản lý và những người phục vụ trong ngành giáo dục). Tuy nhiên, tôi cho rằng nếu để vị thế và cuộc sống của đội ngũ làm công tác Giáo dục và Đào tạo như hiện nay thì khó có thể thực hiện được việc đổi mới này. Xưa kia, cha ông ta cho rằng trong xã hội ngoài vua, chúa ra thì nhất sĩ nhì nông; còn ngày nay, các thầy, cô giáo không biết xếp vào đâu, còn cuộc sống thì được xếp vào hạng những người bần hàn nhất trong xã hội (chưa bàn đến chuyện tiêu cực). Rất nhiều người khi xem cảnh sống và làm việc của các thầy, cô giáo ở các trường tiểu học vùng núi cao phía Bắc do Đài Truyền hình Việt Nam phát gần đây đã phải thốt lên: “thật không sao hiểu được”. Chính vì thế, tôi cho rằng giải pháp đột phá để có thể đổi mới thành công một cách căn bản và toàn diện nền Giáo dục-Đào tạo nước nhà là phải thay đổi lại nhận thức về nghề nhà giáo, thay đổi lại cách đào tạo, tuyển dụng và đãi ngộ đối với những người làm việc ở đây. Trong nền kinh tế thị trường, một khi chúng ta không có nhận thức đúng về vai trò và vị trí của Giáo dục và Đào tạo, không có những đãi ngộ thoả đáng đối với

những người hoạt động trong lĩnh vực này, thì đương nhiên mặt trái của cơ chế thị trường sẽ chen vào. Mà khi mặt trái của cơ chế thị trường đã đứng chân được trong ngành Giáo dục và Đào tạo thì việc cứu chữa là vô cùng khó khăn. Thực tiễn phát triển Giáo dục và Đào tạo của nước ta những năm gần đây đã cho thấy tác động của những mặt tiêu cực này đối với ngành lớn đến mức nào, và khó tháo gỡ đến mức nào.

- Thứ tư, phải kiên quyết tập trung nỗ lực của toàn ngành vào việc đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy đối với mọi bậc học, cấp học theo hướng thiết thực, hiện đại và hội nhập. Điều này có nghĩa là ngoài những kiến thức tạo ra bản sắc và cốt cách của con người Việt Nam cần phải dạy cho thế hệ trẻ như: Lịch sử Việt Nam, Địa lý Việt Nam, Văn học và văn hoá Việt Nam, Đạo đức của con người Việt Nam... về mặt khoa học, các nước phát triển nhất trong khu vực và thế giới dạy cái gì, ta cũng nên dạy cái đó, đừng tự tách mình ra khỏi cộng đồng quốc tế, ra khỏi xu hướng phát triển chung của thời đại. Điều quan trọng là đừng biến hệ thống nhà trường thành nơi nói dối thế hệ trẻ. Hậu quả của việc này là vô cùng to lớn, vì khi thế hệ trẻ đã mất lòng tin đối với hệ thống nhà trường thì cũng đồng nghĩa với động lực phát triển của đất nước bị đánh mất. Điều gì sẽ xảy ra trong trường hợp này chúng ta đều có thể dự đoán được.

- Thứ năm, muốn có một nền Giáo dục và Đào tạo tốt, phải có sự đầu tư tốt. Trong Giáo dục Phổ thông, chúng ta đã đề ra phải xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia (đương nhiên so với các nước phát triển, các tiêu chí đạt chuẩn của chúng ta cũng còn khá khiêm tốn)... Mặc dù vậy, năm học 2010-2011 các trường Mầm non của nước ta cũng mới có 19% đạt chuẩn, các trường Tiểu học mới đạt 36,4%, các

trường trung học cơ sở đạt 19,7%, và các trường Trung học phổ thông mới đạt 10,3%. Còn các trường Đại học thì dường như cho đến giờ phút này chưa có một trường nào có cơ sở vật chất- kỹ thuật ngang tầm với các trường tương đối lớn của các nước trong khu vực, chứ chưa nói đến các trường nổi tiếng trên thế giới.

Vì thế, để có thể đổi mới căn bản và toàn diện nền Giáo dục và Đào tạo của nước nhà, tôi cho rằng phải thay đổi lại cách đầu tư của Nhà nước. Ngân sách Nhà nước là thuế của người dân đóng góp. Thuế chủ yếu là dùng để nuôi bộ máy quản lý Nhà nước và tổ chức các dịch vụ công cộng cho người dân, trong đó quan trọng nhất là Giáo dục và Y tế. Đã đến lúc Nhà nước phải giảm việc lấy tiền Ngân sách để đầu tư cho các hoạt động sản xuất- kinh doanh (việc này để cho người dân thuộc mọi thành phần kinh tế đảm nhận là chính). Nhà nước phải tăng mạnh nguồn đầu tư từ Ngân sách cho Giáo dục- bảo đảm sao cho trong một thời gian ngắn nền Giáo dục nước nhà có được một cơ sở vật chất- kỹ thuật ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực (đương nhiên là có huy động sự đóng góp của người dân nữa, song Nhà nước phải đóng vai trò chính).

Tất nhiên, trong đầu tư cho Giáo dục, phải có sự ưu tiên đặc biệt cho khu vực miền núi và đồng bào các dân tộc thiểu số. Giáo dục ở vùng này, quan điểm của tôi là Nhà nước phải đầu tư, vì đồng bào thiểu số không nhiều và lại rất nghèo, ngày nay đất nước ta có đủ tiềm lực để làm việc đó.

Tóm lại, đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo là đòi hỏi bức xúc hiện nay và chúng ta hoàn toàn có thể làm được. Vấn đề là phải có quyết tâm và phải có sự đầu tư thoả đáng về mọi phương diện thì chắc chắn sẽ làm được. □

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội lần thứ VII, VIII, IX, X, XI- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
2. Phạm Minh Hạc. Một số vấn đề giáo dục và khoa học Giáo dục NXB Giáo dục-HN 1986.
3. Vũ Ngọc Hải. Nhận diện thách thức, cơ hội và yêu cầu đối với Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá. Kỹ yếu hội thảo quốc gia, HN 2008.
4. Đặng Bá Lãm. Xây dựng các quan điểm chỉ đạo sự phát triển Giáo dục, đào tạo trong chiến lược Giáo dục, đào tạo Việt Nam. Đề tài B 96-52-TĐ 01.
5. Niên giám Thống kê năm 1987, 1995, 2000, 2010.
6. Trần Quốc Toàn. Phát triển Giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và trước nhu cầu hội nhập quốc tế. Đề tài độc lập cấp Nhà nước: ĐTDL.2007G/53.